



TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÁNG 4 NĂM 2025

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Tổng số nhiệm vụ	Kết quả thực hiện nhiệm vụ									Điểm tháng	Mức xếp loại
				Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
I	Lãnh đạo Sở													
1	Đào Hồng Vân	GD Sở	323	254 nhiệm vụ trước hạn (78.64%); 69 nhiệm vụ đúng hạn (21.36%)										
2	Cù Trọng Khang	PGĐ Sở	162	136 nhiệm vụ trước hạn (83.95%); 26 nhiệm vụ đúng hạn (16.04%)									91,5 ¹	A
3	Nguyễn Thị Tươi	PGĐ Sở	387	367 nhiệm vụ trước hạn (94.8%); 20 nhiệm vụ đúng hạn (5.2%)									92 ²	A
4	Nguyễn Thị Thiều Hương	PGĐ Sở	1169	801 nhiệm vụ trước hạn (68.5%); 368 nhiệm vụ đúng hạn 31.5%)									94,5 ³	A
5	Nguyễn Khắc Sang	PGĐ Sở	709	640 nhiệm vụ trước hạn (90.26%); 69 nhiệm vụ đúng hạn (9.74%)									92 ⁴	A
II	Phòng Xây dựng chính quyền		82	11	8	3	0	0	71	65	6	0		A
				73 nhiệm vụ trước hạn (89.02%); 9 nhiệm vụ đúng hạn (10.98%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Trần Hưng	TP	2	0	0	0	0	0	2	2	0	0	92,5 ⁵	A
				2 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

¹ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 83.95%)
² Được thưởng 2 điểm (trước hạn 94.8%)
³ Được thưởng 4,5 điểm (0,5 điểm trước hạn 60.36%, 4 điểm có 01 nhiệm vụ thuộc đơn vị phụ trách là văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh ban hành)
⁴ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 90.26%)
⁵ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
2	Vũ Thị Duyên	PTP	16	6	3	3	0	0	10	10	0	0	91,5 ⁶	A
				13 nhiệm vụ trước hạn (81.25%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (18.75%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Đinh Bá Lan Ly	PTP	5	1	1	0	0	0	4	4	0	0	92,5 ⁷	A
				5 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Thị Thu Trang	CV	9	1	1	0	0	0	8	5	3	0	90,5 ⁸	A
				6 nhiệm vụ trước hạn (66.67%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (33.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Vương Thị Ngọc	CV	14	1	1	0	0	0	13	13	0	0	92,5 ⁹	A
				14 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁶ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 81.25%)

⁷ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

⁸ Được thưởng 0.5 điểm (trước hạn 66.67%)

⁹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
6	Trương Văn Hoà	CV	9	1	1	0	0	0	8	5	3	0	90,5 ¹⁰	A
				6 nhiệm vụ trước hạn (66.67%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (33.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Vũ Thị Thanh Hương	CV	10	1	1	0	0	0	9	9	0	0	92,5 ¹¹	A
				10 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Lê Thị Hải Anh	CV	17	0	0	0	0	0	17	17	0	0	92,5 ¹²	A
				17 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
III	Phòng Tổ chức, biên chế		81	8	7	1	0	0	73	70	3	0		A
				77 nhiệm vụ trước hạn (95.06%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (4.94%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Bùi Xuân Hiếu	TP	2	1	0	1	0	0	1	1	0	0	94 ¹³	A
				1 nhiệm vụ trước hạn (50%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (50%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

¹⁰ Được thưởng 0,5 điểm (trước hạn 66.67%)

¹¹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

¹² Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

¹³ Được thưởng 4 điểm (có 01 nhiệm vụ đổi mới, sáng tạo thuộc phòng là văn bản quy phạm pháp luật UBND tỉnh ban hành)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
2	Đào Thị Thu Trang	PTP	11	1	1	0	0	0	10	10	0	0	92,5 ¹⁴	A
				11 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Nguyễn Anh Tuấn	PTP	2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Thị Anh	CV	17	1	1	0	0	0	16	16	0	0	92,5 ¹⁵	A
				17 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Nguyễn Thị Luyến	CV	13	1	1	0	0	0	12	11	1	0	92 ¹⁶	A
				12 nhiệm vụ trước hạn (92.31%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (7.69%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Mai Quỳnh Nga	CV	12	3	3	0	0	0	9	9	0	0	92,5 ¹⁷	A
				12 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

¹⁴ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)¹⁵ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)¹⁶ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 92.31%)¹⁷ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
7	Hoàng Thị Bích Ngọc	CV	23	1	1	0	0	0	22	22	0	0	100 ¹⁸	A
				23 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Đỗ Thị Phương	CV	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	92,5 ¹⁹	A
				1 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
IV	Phòng Công chức, viên chức		89	7	7	0	0	0	82	79	3	0		A
				86 nhiệm vụ trước hạn (96.63%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (3.37%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Phạm Thị Ngoan	PTP	5	1	1	0	0	0	4	3	1	0	91,5 ²⁰	A
				4 nhiệm vụ trước hạn (80%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (20%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

¹⁸ Được thưởng 10 điểm (2,5 điểm trước hạn 100%; 8 điểm có 01 nhiệm vụ đổi mới, sáng tạo là văn bản quy phạm pháp luật UBND tỉnh ban hành)

¹⁹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

²⁰ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 80%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
2	Phạm Văn Tùng	PTP	8	2	2	0	0	0	6	5	1	0	91,5 ²¹	A
				7 nhiệm vụ trước hạn (87.5%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (12.5%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Nguyễn Thị Nga	CV	2	0	0	0	0	0	2	1	1	0	90	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (50%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (50%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Thị Hải Yến	CV	28	1	1	0	0	0	27	27	0	0	92,5 ²²	A
				28 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Trần Thị Kim Tuyến	CV	13	1	1	0	0	0	12	12	0	0	92,5 ²³	A
				13 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Nguyễn Thị Dương	CV	18	1	1	0	0	0	17	17	0	0	92,5 ²⁴	A
				18 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

²¹ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 87.5%)²² Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)²³ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)²⁴ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại	
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh						
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành			
7	Phạm Thị Hà Mi	CV	15	1	1	0	0	0	14	14	0	0	92,5 ²⁵	A	
				15 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
V	Phòng CCHC-VTLT		48	6	6	0	0	0	42	40	2	0		A	
				46 nhiệm vụ trước hạn (95.83%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (4.17%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
1	Hoàng Xuân Chính	TP	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	90	B	
				1 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
2	Trần Anh Dũng	PTP	8	3	3	0	0	0	5	3	2	0	91 ²⁶	A	
				6 nhiệm vụ trước hạn (75%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (25%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
3	Đoàn Minh Sang	CV	5	0	0	0	0	0	5	5	0	0	92,5 ²⁷	A	
				5 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											

²⁵ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

²⁶ Được thưởng 1 điểm (trước hạn 75%)

²⁷ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
4	Nguyễn Kim Tuyền	CV	5	1	1	0	0	0	4	4	0	0	92,5 ²⁸	A
				5 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Trần Thị Hồng Anh	CV	13	1	1	0	0	0	12	12	0	0	92,5 ²⁹	A
				13 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Trần Thị Lan Phương	CV	16	1	1	0	0	0	15	15	0	0	92,5 ³⁰	A
				16 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
VI	Thanh tra Sở		157	15	13	2	0	0	142	139	3	0		A
				152 nhiệm vụ trước hạn (96.82%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (3.18%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Lương Thị Phương Chi	CTT	20	7	6	1	0	0	13	13	0	0	92 ³¹	A
				19 nhiệm vụ trước hạn (95%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (5%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

²⁸ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

²⁹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

³⁰ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

³¹ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 95%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
2	Hoàng Minh Hiền	PCTT	5	0	0	0	0	0	5	4	1	0	91,5 ³²	A
				4 nhiệm vụ trước hạn (80%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (20%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Tạ Thị Hồng Thắm	PCTT	21	2	2	0	0	0	19	19	0	0	92,5 ³³	A
				21 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Đức Hạnh	TTV	26	1	0	1	0	0	25	25	0	0	92 ³⁴	A
				25 nhiệm vụ trước hạn (96.15%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (3.85%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Phạm Ngọc Quang	TTV	27	1	1	0	0	0	26	26	0	0	92,5 ³⁵	A
				27 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

³² Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 80%)

³³ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

³⁴ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 96.15%)

³⁵ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
6	Phan Thu Trang	TTV	19	3	3	0	0	0	16	16	0	0	92,5 ³⁶	A
				19 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Bùi Trung Kiên	TTV	26	1	1	0	0	0	25	25	0	0	92,5 ³⁷	A
				26 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Hoàng Thị Thùy Dung	CV	13	0	0	0	0	0	13	11	2	0	91,5 ³⁸	A
				11 nhiệm vụ trước hạn (84.62%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (15.38%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
VII	Phòng Dân tộc và Tôn giáo		91	6	6	0	0	0	87	79	8	0		A
				83 nhiệm vụ trước hạn (91.40%); 8 nhiệm vụ đúng hạn (8.6%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Trần Thị Lý	TP	18	2	2	0	0	0	16	16	0	0	92,5 ³⁹	A
				18 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

³⁶ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)³⁷ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)³⁸ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 84.62%)³⁹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
2	Mai Thị Hồng Huệ	PTP	13	2	2	0	0	0	11	11	0	0	92,5 ⁴⁰	A
				13 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Vũ Thị Tân	CV	13	1	1	0	0	0	12	11	1	0	92 ⁴¹	A
				12 nhiệm vụ trước hạn (92.31%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (7.69%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Văn Bằng	CV	15	1	1	0	0	0	14	13	1	0	92 ⁴²	A
				14 nhiệm vụ trước hạn (93.33%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (6.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Đinh Ngọc Thuận	CV	13	0	0	0	0	0	13	11	2	0	91,5 ⁴³	A
				11 nhiệm vụ trước hạn (84.62%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (15.38%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁴⁰ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁴¹ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 92.31%)⁴² Được thưởng 2 điểm (trước hạn 93.33%)⁴³ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 84.62%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
6	Phạm Thu Huyền	CV	21	0	0	0	0	0	21	17	4	0	91,5 ⁴⁴	A
				17 nhiệm vụ trước hạn (80.95%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (19.05%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
VIII	Phòng Người có công		525	8	8	0	0	0	417	415	2	0		A
				523 nhiệm vụ trước hạn (99.62%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (0.38%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Nguyễn Tiến Anh	TP	5	2	2	0	0	0	3	3	0	0	92,5 ⁴⁵	A
				5 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Vũ Công Điệp	PTP	34	1	1	0	0	0	33	31	2	0	92 ⁴⁶	A
				32 nhiệm vụ trước hạn (94.12%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (5.88%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁴⁴ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 80.95%)

⁴⁵ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

⁴⁶ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 94.12%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
3	Luu Thị Thuý	CV	220	2	2	0	0	0	218	218	0	0	92,5 ⁴⁷	A
				220 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Bùi Thanh Liêm	CV	50	1	1	0	0	0	49	49	0	0	92,5 ⁴⁸	A
				50 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Lê Thị Yến	CV	50	1	1	0	0	0	49	49	0	0	92,5 ⁴⁹	A
				50 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Lê Xuân Hùng	CV	163	1	1	0	0	0	162	162	0	0	92,5 ⁵⁰	A
				163 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁴⁷ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁴⁸ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁴⁹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁵⁰ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
7	Đinh Thị Phương Liêm	CV	3	0	0	0	0	0	3	3	0	0	92,5 ⁵¹	A
3 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)														
IX	Phòng Lao động - Việc làm		622	17	17	0	0	0	605	605	0	0		A
				622 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Bùi Thị Hạnh	TP	8	3	3	0	0	0	5	5	0	0	92,5 ⁵²	A
				5 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Vũ Thị Thu Hằng	PTP	70	6	6	0	0	0	64	64	0	0	92,5 ⁵³	A
				70 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁵¹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁵² Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁵³ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
3	Nguyễn Thị Duyên	CV	254	2	2	0	0	0	252	252	0	0	92,5 ⁵⁴	A
				254 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	An Thị Mai Hoa	CV	43	4	4	0	0	0	39	39	0	0	92,5 ⁵⁵	A
				43 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Phan Thị Diễm	CV	247	2	2	0	0	0	245	245	0	0	92,5 ⁵⁶	A
				247 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
X	Văn phòng		82	12	11	1	0	0	70	55	15	0		A
				66 nhiệm vụ trước hạn (80.5%); 16 nhiệm vụ đúng hạn (19.5%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁵⁴ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁵⁵ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁵⁶ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
1	Vũ Quốc Khánh	CVP	5	1	1	0	0	0	4	4	0	0	92,5 ⁵⁷	A
				5 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Nguyễn Bá Hoàng	PCVP	16	1	1		0	0	15	15	0	0	92,5 ⁵⁸	A
				16 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Chu Bình Mích	CV	26	3	3	0	0	0	23	18	5	0	91,5 ⁵⁹	A
				21 nhiệm vụ trước hạn (80.8%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (19.2%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Mai Hồng Quân	CV	5	3	2	1	0	0	2	1	1	0	90,5 ⁶⁰	A
				3 nhiệm vụ trước hạn (60%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (40%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁵⁷ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁵⁸ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁵⁹ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 80.8%)⁶⁰ Được thưởng 0,5 điểm (trước hạn 60%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
5	Đương Thị Nguyệt	CV	8	1	1	0	0	0	7	5	2	0	91 ⁶¹	A
				6 nhiệm vụ trước hạn (75%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (25%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Nguyễn Thị Nhung	CV	12	3	3	0	0	0	9	6	3	0	91 ⁶²	A
				9 nhiệm vụ trước hạn (75%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (25%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Phạm Thị Huyền	CV	2	0	0	0	0	0	2	2	0	0	92,5 ⁶³	A
				2 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Vũ Thị Sang	CS	3	0	0	0	0	0	3	3	0	0	92,5 ⁶⁴	A
				3 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
9	Lê Xuân Tình	NV	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁶¹ Được thưởng 1 điểm (trước hạn 75%)⁶² Được thưởng 1 điểm (trước hạn 75%)⁶³ Được thưởng 0,5 điểm (trước hạn 62.5%)⁶⁴ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
10	Quách Hồng Thuận	NV	2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
11	Hoàng Thị Thanh Mai	NV	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
12	Lê Thị Thu Hà	NV	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
XI	Ban Thi đua - Khen thưởng		148	8	6	2	0	0	140	136	4	0		A
				142 nhiệm vụ trước hạn (95.95%); 6 nhiệm vụ đúng hạn (4.05%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Nguyễn Đình Tuệ	TB	8	0	0	0	0	0	8	8	0	0	92,5 ⁶⁵	A
				8 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁶⁵ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
2	Đỗ Thị Yên	PTB	14	1	1	0	0	0	13	13	0	0	92,5 ⁶⁶	A
				14 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Quách Thị Lan Phương	PTB	10	1	1	0	0	0	9	9	0	0	92,5 ⁶⁷	A
				10 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Thị Hồng Dung	CV	5	0	0	0	0	0	5	2	3	0	88	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (40%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (60%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Vũ Xuân Hanh	CV	32	0	0	0	0	0	32	32	0	0	92,5 ⁶⁸	A
				32 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Phạm Thị Huyền	CV	7	1	1	0	0	0	6	6	0	0	92,5 ⁶⁹	A
				7 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁶⁶ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁶⁷ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁶⁸ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁶⁹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
7	Phạm Minh Châu	CV	10	1	1	0	0	0	9	9	0	0	92,5 ⁷⁰	A
				10 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Đoàn Thu Trang	CV	19	1	1	0	0	0	18	18	0	0	92,5 ⁷¹	A
				19 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
9	Vũ Thị Hợi	CV	18	1	0	1	0	0	17	17	0	0	92 ⁷²	A
				17 nhiệm vụ trước hạn (94.44%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (5.56%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
10	Nguyễn Thị Hương	CV	24	2	1	1	0	0	22	22	0	0	92 ⁷³	A
				23 nhiệm vụ trước hạn (95.83%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (4.17%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
11	Đỗ Ngọc Phú	NV	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁷⁰ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁷¹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁷² Được thưởng 2 điểm (trước hạn 94.44%)⁷³ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 95.83%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
XII	Trung tâm Lưu trữ lịch sử		48	10	5	5	0	0	38	22	16	0		B
				27 nhiệm vụ trước hạn (56.25%); 21 nhiệm vụ đúng hạn (43.75%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Trương Văn Toàn	GD TT	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	88	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Bùi Thị Thu Hà	PGD TT	2	0	0	0	0	0	2	1	1	0	88	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (50%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (50%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Đinh Thị Ngọc Tân	PGD TT	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	88	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
	Phòng HC-TH		25	0	0	0	0	0	25	12	13	0		B
				12 nhiệm vụ trước hạn (48%); 13 nhiệm vụ đúng hạn (52%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
4	Nguyễn Viết Hòa	VC	9	0	0	0	0	0	9	9	0	0	92,5 ⁷⁴	A
				9 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Đinh Thị Thùy Giang	VC	3	0	0	0	0	0	3	0	3	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Nguyễn Trường Thịnh	VC	3	0	0	0	0	0	3	0	3	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Đoàn Thị Trà Giang	VC	4	0	0	0	0	0	4	3	1	0	91 ⁷⁵	A
				3 nhiệm vụ trước hạn (75%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (25%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Đỗ Văn Tiến	NV	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁷⁴ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

⁷⁵ Được thưởng 1 điểm (trước hạn 75%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại	
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh						
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành			
9	Nguyễn Thị Dinh	NV	2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	80	B	
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
10	Đoàn Văn Sáng	NV	2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	80	B	
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
Phòng Nghiệp vụ lưu trữ			9	0	0	0	0	0	9	6	3	0		B	
				6 nhiệm vụ trước hạn (66.67%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (33.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
11	Lương Lê Thành	VC	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B	
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
12	Nguyễn Thị Hiếu	VC	4	0	0	0	0	0	4	4	0	0	92,5 ⁷⁶	A	
				3 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											

⁷⁶ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
13	Nguyễn Thị Hằng	VC	4	0	0	0	0	0	4	2	2	0	86	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (50%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (50%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
XIII	Trung tâm Dịch vụ việc làm		366	11	4	7	0	0	355	14	341	0		B
				18 nhiệm vụ trước hạn (4.91%); 348 nhiệm vụ đúng hạn (95.09%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Đỗ Quang Huy	GD TT	15	0	0	0	0	0	15	5	10	0	86	B
				5 nhiệm vụ trước hạn (33.33%); 10 nhiệm vụ đúng hạn (66.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Nguyễn Đức Hoàng	PGD TT	13	0	0	0	0	0	13	3	10	0	84	B
				3 nhiệm vụ trước hạn (23.08%); 10 nhiệm vụ đúng hạn (76.92%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
	Phòng HC-TH		57	2	1	1	0	0	55	9	46	0		B
				10 nhiệm vụ trước hạn (17.54%); 47nhiệm vụ đúng hạn (82.46%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
3	Nguyễn Thành Trung	PTP	12	1	1	0	0	0	11	3	8	0	86	B
				4 nhiệm vụ trước hạn (33.33%); 8 nhiệm vụ đúng hạn (66.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Lương Thị Minh Huệ	VC	10	0	0	0	0	0	10	2	8	0	84	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (20%); 8 nhiệm vụ đúng hạn (80%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Nguyễn Thị Minh Phượng	VC	7	0	0	0	0	0	7	0	7	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 7 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Nguyễn Thị Thuý	VC	8	0	0	0	0	0	8	3	5	0	86	B
				3 nhiệm vụ trước hạn (37.5%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (62.5%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Vũ Thị Hằng		1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
8	Nguyễn Thị Thanh Hương		2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
9	Trần Thị Mai		2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
	Phòng Tư vấn giới thiệu việc làm		37	0	0	0	0	0	37	0	37	0		B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 37 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
10	Dương Thanh Thảo	VC	11	0	0	0	0	0	11	0	11	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 11 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
11	Lương Thị Hồng	VC	5	0	0	0	0	0	5	0	5	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
12	Vũ Tiến Cường	VC	6	0	0	0	0	0	6	0	6	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 6 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
13	Phan Thị Diệu Thuý	VC	3	0	0	0	0	0	3	0	3	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
14	Đỗ Thị Thư	VC	7	0	0	0	0	0	7	0	7	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 7 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
15	Phạm Thị Chi	VC	5	0	0	0	0	0	5	0	5	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
Phòng Thông tin thị trường lao động và Dạy nghề			41	0	0	0	0	0	41	0	41	0		B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 41 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
16	Lê Thị Linh Chi	PTP	8	0	0	0	0	0	8	0	8	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 8 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
17	Nguyễn Thanh Nam	PTP	6	0	0	0	0	0	6	0	6	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 6 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
18	Đào Thị Bích Thuý	VC	5	0	0	0	0	0	5	0	5	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
19	Trần Thị Hồng Lê	VC	6	0	0	0	0	0	6	0	6	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 6 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
20	Đỗ Thị Ngọc Hường	VC	6	0	0	0	0	0	6	0	6	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 6 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
21	Phạm Thu Hồng	VC	5	0	0	0	0	0	5	0	5	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
22	Hoàng Văn Bít	VC	5	0	0	0	0	0	5	0	5	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
Phòng Bảo hiểm thất nghiệp			203	0	0	0	0	0	203	0	203	0		B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 203 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
23	Nguyễn Thế Dương	PTP	9	0	0	0	0	0	9	0	9	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 9 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
24	Nguyễn Văn Đức	PTP	9	0	0	0	0	0	9	0	9	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 9 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
25	Hoàng Anh Tuấn	VC	6	0	0	0	0	0	6	0	6	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 6 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
26	Trịnh Văn Cường	VC	8	0	0	0	0	0	8	0	8	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 8 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
27	Đào Hồng Điệp	VC	4	0	0	0	0	0	4	0	4	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
28	Đặng Thị Nhài	VC	7	0	0	0	0	0	7	0	7	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 7 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
29	Doãn Thị Thu Hường	VC	4	0	0	0	0	0	4	0	4	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
30	Lương Văn Thiện	NV	10	0	0	0	0	0	10	0	10	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 10 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
31	Đặng Hoàng Hải	NV	11	0	0	0	0	0	11	0	11	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%);11 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
32	Hoàng Thị Thu Hương	NV	9	0	0	0	0	0	9	0	9	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 9 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
33	Bùi Thị Lam Giang	NV	13	0	0	0	0	0	13	0	13	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 13 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
34	Vũ Xuân Hải	NV	5	0	0	0	0	0	5	0	5	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
35	Phạm Trung Kiên	NV	7	0	0	0	0	0	7	0	7	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 7 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
36	Nguyễn Bảo Tường Linh	NV	12	0	0	0	0	0	12	0	12	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 12 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
37	Trần Thị Tú Lan	NV	12	0	0	0	0	0	12	0	12	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 12 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
38	Nguyễn Thị Huyền	NV	4	0	0	0	0	0	4	0	4	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
39	Đông Thị Huệ	NV	9	0	0	0	0	0	9	0	9	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 9 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
40	Tạ Thị Phường	NV	7	0	0	0	0	0	7	0	7	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 7 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
41	Nguyễn Anh Tuấn	NV	4	0	0	0	0	0	4	0	4	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
42	Hoàng Thị Ngát	NV	6	0	0	0	0	0	6	0	6	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 6 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
43	Lý Thị Tươi	NV	11	0	0	0	0	0	11	0	11	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 11 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
44	Trần Thị Tuyết	NV	8	0	0	0	0	0	8	0	8	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 8 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
45	Nguyễn Thị Phương Thảo	NV	11	0	0	0	0	0	11	0	11	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 11 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
46	Hoàng Thị Mai	NV	5	0	0	0	0	0	5	0	5	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
47	Nguyễn Thị Ngọc Yến	NV	10	0	0	0	0	0	10	0	10	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 10 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
48	Nguyễn Thị Thanh Huyền	NV	2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
XIV	Trung tâm Điều dưỡng, chăm sóc người có công		93	3	2	1	0	0	90	32	57	1		B
				34 nhiệm vụ trước hạn (36.56%); 58 nhiệm vụ đúng hạn (62.37%); 1 nhiệm vụ quá hạn (1.07%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại	
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh						
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành			
1	Hoàng Thế Sơn	GD TT	10	2	1	1	0	0	8	4	4	0	88	B	
				5 nhiệm vụ trước hạn (50%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (50%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
2	Nguyễn Đình Huân	PGD TT	9	1	1	0	0	0	8	6	2	0	91 ⁷⁷	A	
				7 nhiệm vụ trước hạn (77.78%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (22.22%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
	Phòng HC-TH		31	0	0	0	0	0	31	13	17	1		B	
				13 nhiệm vụ trước hạn (41.94%); 17 nhiệm vụ đúng hạn (54.84%); 1 nhiệm vụ quá hạn (3.23%)											
3	Phạm Tiến Dũng	TP	9	0	0	0	0	0	9	3	6	0	84	B	
				3 nhiệm vụ trước hạn (33.33%); 6 nhiệm vụ đúng hạn (66.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
4	Hoàng Xuân Kiểm	VC	3	0	0	0	0	0	3	0	2	1	70	B	
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (66.67%); 1 nhiệm vụ quá hạn (33.33%)											

⁷⁷ Được thưởng 1 điểm (trước hạn 77.78%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
5	Đoàn Thị Nhài	VC	8	0	0	0	0	0	8	6	2	0	88	B
				6 nhiệm vụ trước hạn (75%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (25%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Cáp Thị Nga	VC	3	0	0	0	0	0	3	2	1	0	88	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (66.67%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (33.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Đoàn Thị Thu Hà	VC	3	0	0	0	0	0	3	0	3	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Nguyễn Thị Hải Yên	VC	3	0	0	0	0	0	3	2	1	0	88	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (66.67%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (33.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
	Phòng Nghiệp vụ		41	0	0	0	0	0	41	8	33	0		B
				8 nhiệm vụ trước hạn (19.51%); 33 nhiệm vụ đúng hạn (80.49%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
9	Bùi Thị Hương Giang	TP	5	0	0	0	0	0	5	2	3	0	86	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (40%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (60%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
10	Nguyễn Thị Minh Anh	VC	4	0	0	0	0	0	4	0	4	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
11	Đặng Thị Thuý	VC	4	0	0	0	0	0	4	0	4	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
12	Vũ Thị Hằng	VC	4	0	0	0	0	0	4	0	4	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
13	Thái Thị Hợp	VC	4	0	0	0	0	0	4	0	4	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
14	Hà Thị Phương	VC	4	0	0	0	0	0	4	3	1	0	91 ⁷⁸	A
				3 nhiệm vụ trước hạn (75%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (25%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
15	Nguyễn Thị Thuý	VC	4	0	0	0	0	0	4	0	4	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
16	Phạm Thị Loan	VC	4	0	0	0	0	0	4	0	4	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
17	Đào Thị Thu Huyền Trang	VC	4	0	0	0	0	0	4	0	4	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
18	Trần Thị Vân Anh	VC	4	0	0	0	0	0	4	3	1	0	91 ⁷⁹	A
				3 nhiệm vụ trước hạn (75%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (25%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁷⁸ Được thưởng 1 điểm (trước hạn 75%)⁷⁹ Được thưởng 1 điểm (trước hạn 75%)